

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN- PHÚ THỌ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2017**

Phú Thọ, tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Bảng cân đối kế toán**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86,946,805,491	126,406,199,090
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12,757,011,243	65,450,008,669
1. Tiền	111		12,757,011,243	1,050,008,669
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	64,400,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16,156,358,501	23,816,144,725
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9,065,445,584	16,334,444,800
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	6,425,114,717	6,785,901,725
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	665,798,200	695,798,200
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		56,981,526,750	36,702,599,580
1. Hàng tồn kho	141	V.5	56,981,526,750	36,702,599,580
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,051,908,997	437,446,116
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	1,051,908,997	437,446,116
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		269,746,576,188	275,276,690,302

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		490,000,000	490,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		490,000,000	490,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		257,949,939,248	263,286,228,582
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	257,949,939,248	263,286,228,582
- Nguyên giá	222		444,653,634,126	441,367,314,126
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(186,703,694,878)	(178,081,085,544)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		826,200,000	826,200,000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	826,200,000	826,200,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10,480,436,940	10,674,261,720
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	10,480,436,940	10,674,261,720
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		356,693,381,679	401,682,889,392
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		116,549,307,572	173,981,801,413
I. Nợ ngắn hạn	310		107,549,307,572	164,981,801,413
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	8,910,151,310	42,218,064,008
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		199,593,762	1,721,921,770
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	35,408,097,613	100,227,870,562
4. Phải trả người lao động	314	V.11	888,890,110	1,888,059,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1,995,485,050	1,995,815,910
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	7,427,919,018	8,698,875,810
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	51,844,945,356	6,000,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	874,225,353	2,231,194,353
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		9,000,000,000	9,000,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	9,000,000,000	9,000,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		240,144,074,107	227,701,087,979
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	240,144,074,107	227,701,087,979
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125,000,000,000	125,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		0	0
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		23,517,055,477	23,517,055,477
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		91,627,018,630	79,184,032,502
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		78,184,032,502	44,914,445,532
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13,442,986,128	34,269,586,970
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		356,693,381,679	401,682,889,392

Phú Thọ, ngày 16 tháng 04 năm 2017

Lập biểu



Trần Bích Thủy

Kế toán trưởng



Trần Bích Thủy

Giám đốc



Bùi Văn Thiêng

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này Năm nay	Kỳ này Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	121.820.808.085	99.676.473.511	121.820.808.085	99.676.473.511
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.2	111.719.140	(19.080.363)	111.719.140	(19.080.363)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		121.709.088.945	99.695.553.874	121.709.088.945	99.695.553.874
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	103.214.746.599	91.999.939.526	103.214.746.599	91.999.939.526
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		18.494.342.346	7.695.614.348	18.494.342.346	7.695.614.348
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	367.841.576	32.287.235	367.841.576	32.287.235
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	426.382.286	422.306.288	426.382.286	422.306.288
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		426.382.286	652.641.922	426.382.286	652.641.922
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	748.653.511	220.256.115	748.653.511	220.256.115
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	3.154.190.149	3.089.425.020	3.154.190.149	3.089.425.020
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)- (25+26)}	30		14.532.957.976	3.995.914.160	14.532.957.976	3.995.914.160
12. Thu nhập khác	31		0	3.553.000	0	3.553.000
13. Chi phí khác	32		0	128.109.484	0	128.109.484
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	(124.556.484)	0	(124.556.484)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14.532.957.976	3.871.357.676	14.532.957.976	3.871.357.676
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.089.971.848	350.000.000	1.089.971.848	350.000.000
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		13.442.986.128	3.521.357.676	13.442.986.128	3.521.357.676
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.075,4	282	1.075,4	282

Lập biểu



Trần Bích Thủy

Kế toán trưởng



Trần Bích Thủy

Phú Thọ, ngày 16 tháng 04 năm 2017

Giám đốc



Bùi Văn Thiêng

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		14,532,957,976	41,049,670,500
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		8,622,609,334	31,911,822,100
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(356,843,380)	157,213,030
- Chi phí lãi vay	6		426,382,286	3,090,588,162
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		23,225,106,216	76,209,293,792
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		7,678,786,224	19,441,268,601
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(20,278,927,170)	7,086,195,689
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(100,435,316,064)	63,985,656,432
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(420,638,101)	(5,025,726,662)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(426,382,286)	(3,129,294,516)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,315,458,581)	(2,587,591,862)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	(17,053,862,101)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2,323,969,000)	(11,460,880,672)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(94,296,798,762)	127,465,058,701
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2,923,165,900)	(39,710,801,290)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	9,100,000

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	356,843,380	59,224,080
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2,566,322,520)	(39,642,477,210)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	88,144,945,356	495,297,957,500
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(42,300,000,000)	(577,030,409,512)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1,674,821,500)	(31,250,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	44,170,123,856	(112,982,452,012)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(52,692,997,426)	(25,159,870,521)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	65,450,008,669	90,609,879,190
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	12,757,011,243	65,450,008,669

Người lập biểu

Trần Bích Thủy

Kế toán trưởng

Trần Bích Thủy

Phú Thọ, ngày 6 tháng 04 năm 2017

Giám Đốc



Bùi Văn Thiềng

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600393941 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp. Đăng ký thay đổi lần 03 ngày 15/04/2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là: 125.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Khách sạn;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Sản xuất rượu vang;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động ;
- Sản xuất cồn; Mua bán vật tư nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ bởi Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên [hoặc trình bày theo chính sách kế toán của Công ty ví dụ áp dụng theo Chính sách lập dự phòng của Tập đoàn], hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 48 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải	05 - 12 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐHH theo hướng dẫn tại TT 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, bao bì luân chuyển và các chi phí khác được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 36 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm: Các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.;
- Phải trả khác: Là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ;

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Quang Minh.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập BCTC.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phản ánh cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành.

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng các ưu đãi thuế, miễn giảm thuế, ưu đãi khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Khoản giảm trừ doanh thu là khoản chiết khấu thương mại cho khách hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu thuộc kỳ báo cáo được ghi giảm doanh thu trong kỳ, trừ trường hợp phát hiện sai sót sau khi đã phát hành báo cáo sẽ được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt trên mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

Trong kỳ các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán bao gồm: Hoàn nhập dự phòng tiền lương phải trả và chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng phản ánh toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa dịch vụ của Công ty như: chi phí chào hàng, quảng cáo, giới thiệu, trưng bày sản phẩm, bảo hành, bảo quản đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: Chi phí lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...

Chi phí quản lý được ghi giảm trong kỳ gồm: Hoàn nhập một phần chi phí trích trước kiểm kê và trực ban năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

a. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

b. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền*Tiền*

Tiền mặt

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

Các khoản tương đương tiền

Tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dưới 03 tháng

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
12,757,011,243	1,050,008,669
613,622,791	190,057,716
12,143,388,452	859,950,953
0	64,400,000,000
0	64,400,000,000
12,757,011,243	65,450,008,669

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng*Phải thu các bên liên quan*

Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn

Công ty TNHH Thương mại Chiêu Xuân

Phải thu các khách hàng khác

Phải thu các khách hàng khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
8,994,808,900	16,276,994,800
8,994,808,900	16,276,994,800
0	0
70,636,684	57,450,000
70,636,684	57,450,000
9,065,445,584	16,334,444,800

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH Thương mại và Môi trường Hồng Anh

Công ty CP DV và ứng dụng tự động A2S

Công ty TNHH SX TM & DV Đại Nam

Công ty TNHH SX & xuất nhập khẩu Đức Hà

Các nhà cung cấp khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
2,507,272,727	2,507,272,727
0	1,814,279,800
0	1,038,142,500
1,700,400,000	
2,217,441,990	1,426,206,698
6,425,114,717	6,785,901,725

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

Tạm ứng

Ký cược, ký quỹ

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
665,798,200	695,798,200
0	0
665,798,200	695,798,200

4b. Phải thu dài hạn khác

Ký cược, ký quỹ

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
490,000,000	490,000,000
490,000,000	490,000,000

5. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu

Công cụ, dụng cụ

Chi phí SXKD dở dang

Thành phẩm

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
27,563,446,613	20,624,138,852
2,981,002,648	3,263,085,299
8,229,805,898	7,575,469,440
18,207,271,591	5,239,905,989
56,981,526,750	36,702,599,580

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

6 . Chi phí trả trước**6a . Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	164,585,156	329,171,098
Sửa chữa	887,323,841	
Chi phí bảo hiểm		108,275,018
Cộng	1,051,908,997	437,446,116

6b . Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	1,721,524,320	2,151,905,400
Cộng cụ dụng cụ	8,758,912,620	8,522,356,320
Cộng	10,480,436,940	10,674,261,720

7 . Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	101,003,749,805	331,158,343,984	7,356,335,259	1,848,885,078	441,367,314,126
Mua trong năm	0	3,286,320,000	0	0	3,286,320,000
XDCB hoàn thành	0	0	0	0	0
Thanh lý TSCĐ	0	0	0	0	0
Số cuối năm	101,003,749,805	334,444,663,984	7,356,335,259	1,848,885,078	444,653,634,126
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	20,397,737,350	153,479,760,331	3,735,502,077	468,085,786	178,081,085,544
Khấu hao trong năm	939,742,029	7,460,847,324	165,366,771	56,653,210	8,622,609,334
Thanh lý TSCĐ	0	0	0	0	0
Số cuối năm	21,337,479,379	160,940,607,655	3,900,868,848	524,738,996	186,703,694,878
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	80,606,012,455	177,678,583,653	3,620,833,182	1,380,799,292	263,286,228,582
Số cuối năm	79,666,270,426	173,504,056,329	3,455,466,411	1,324,146,082	257,949,939,248

8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hệ thống xử lý nước thải	826,200,000	826,200,000
Cộng	826,200,000	826,200,000

9 . Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3,944,099,217	36,915,521,525
Tổng công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn	3,872,664,156	36,815,200,889
Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	71,435,061	100,320,636
Phải trả các nhà cung cấp khác	4,966,052,093	5,302,542,483
Cộng	8,910,151,310	42,218,064,008

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

10 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT	3,178,355,289	17,292,389,510
Thuế GTGT hàng NK	0	0
Thuế tiêu thụ đặc biệt	31,014,123,900	81,305,233,372
Thuế xuất, nhập khẩu	0	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,089,971,848	1,315,458,581
Thuế thu nhập cá nhân	125,646,576	314,789,099
Các loại thuế khác	0	0
Cộng	35,408,097,613	100,227,870,562

11 . Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả cuối kỳ	888,890,110	1,888,059,000
Cộng	888,890,110	1,888,059,000

12 . Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng chi phí tiền lương	1,883,765,910	1,883,765,910
Chi phí lãi vay phải trả	0	18,750,000
Các khoản trích trước khác	111,719,140	93,300,000
Cộng	1,995,485,050	1,995,815,910

13 . Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	18,188,268	23,292,560
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,718,400,000	5,028,200,000
Cổ tức phải trả	1,691,330,750	3,647,383,250
Cộng	7,427,919,018	8,698,875,810

14 . Vay và nợ thuê tài chính**14a . Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam _ CN Quang Minh	51,844,945,356	6,000,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả	47,344,945,356	

14b . Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam _ CN Quang Minh	4,500,000,000	6,000,000,000
Cộng	9,000,000,000	9,000,000,000
Cộng	60,844,945,356	15,000,000,000

15 . Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	318,880,755	1,539,849,755
Quỹ phúc lợi	37,262,000	74,262,000
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	273,478,522	306,478,522
Quỹ an sinh xã hội	244,604,076	310,604,076
Cộng	874,225,353	2,231,194,353

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

16 . Vốn chủ sở hữu**16a . Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	125,000,000,000	23,517,055,477	79,184,032,502	227,701,087,979
Trích quỹ đầu tư phát triển	0	0	0	0
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0	(1,000,000,000)	(1,000,000,000)
Chia Cổ tức	0	0	0	0
Lợi nhuận kỳ này	0	0	13,442,986,128	13,442,986,128
Số dư cuối năm	125,000,000,000	23,517,055,477	91,627,018,630	240,144,074,107

16b . Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
TCT Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	33,787,500,000	33,787,500,000
Công ty CP Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	8,530,500,000	8,530,500,000
Ông Võ Sỹ Đồng	10,536,760,000	10,536,760,000
Bà Nguyễn Thu Hương	6,552,660,000	6,552,660,000
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	6,250,000,000	6,250,000,000
Các cổ đông khác	59,342,580,000	59,342,580,000
Cộng	125,000,000,000	125,000,000,000

VI . Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán bia	120,807,071,737	97,381,984,030
Doanh thu khác	1,013,736,348	2,294,489,481
Cộng	121,820,808,085	99,676,473,511

2 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản chiết khấu thương mại cho các đại lý bia hơi.

3 . Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành đã bán	103,051,581,625	90,441,097,303
Giá vốn hoạt động khác	163,164,974	1,558,842,223
Cộng	103,214,746,599	91,999,939,526

4 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	367,841,576	30,206,379
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	2,080,856
Cộng	367,841,576	32,287,235

5 . Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	426,382,286	652,641,922
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
Điều chỉnh các khoản ghi nhận năm trước	0	(230,335,634)

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

6 . Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vận chuyển	164,126,466	127,256,115
Chi phí trả trước phân bổ	314,414,895	93,000,000
Chi phí khác	270,112,150	
Cộng	<u>748,653,511</u>	<u>220,256,115</u>

7 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	206,575,296	21,099,636
Chi phí nhân công	1,259,237,441	1,026,876,926
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ	638,989,213	595,382,334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	176,260,817	113,175,328
Chi phí khác	873,127,382	1,332,890,796
Cộng	<u>3,154,190,149</u>	<u>3,089,425,020</u>

8 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	103,463,076,824	81,104,341,976
Chi phí nhân công	3,797,509,219	3,062,054,462
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ	9,367,405,309	7,956,117,728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,707,177,655	2,537,552,414
Chi phí khác	909,357,382	1,357,263,373
Cộng	<u>121,244,526,389</u>	<u>96,017,329,953</u>

9 . Thông tin các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

STT Bên liên quan

	Giá trị giao dịch
1. Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	234,090,622,255
1 Tổng công ty CP Bia Rượu - NGK Sài Gòn	232,177,324,720
2 Công ty TNHH Thương Mại Chiêu Xuân	1,711,198,566
3 Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	202,098,969
2. Thu tiền từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	240,134,869,376
1 TCT cổ phần Bia Rượu - NGK Sài Gòn	239,459,510,620
2 Công ty TNHH Thương Mại Chiêu Xuân	533,468,066
3 Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	141,890,690
3. Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	107,193,928,279
1 TCT cổ phần Bia Rượu - NGK Sài Gòn	106,900,037,591
2 Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	197,464,688
3 Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên	96,426,000
4. Thanh toán tiền mua vật liệu, hàng hóa	140,165,350,588
1 TCT cổ phần Bia Rượu - NGK Sài Gòn	139,842,574,325
2 Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	226,350,263
3 Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên	96,426,000

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan:

Bên liên quan	chỉ tiêu	Số tiền
1 TCT cổ phần Bia Rượu - NGK Sài Gòn	Phải thu	8,994,808,900
2 TCT cổ phần Bia Rượu - NGK Sài Gòn	Phải trả	3,872,664,156
3 Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	Phải trả	185,943,282

Thu nhập của Hội Đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

Bên liên quan	Số tiền
1 Hội đồng quản trị, ban kiểm soát	168,000,000
2 Ban giám đốc	387,614,000

Người lập biểu

Trần Bích Thủy

Kế toán trưởng

Trần Bích Thủy

Phú Thọ, ngày 16 tháng 04 năm 2017



Giám đốc

Bùi Văn Thiêng

